TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 27/3/2018
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trung Diễn

Bà Nguyễn Thị Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 131/2018/QĐST-DS ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 62/24/4 đường Cách Mạng Tháng 8, KP.1, Phường Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số 20, đường N, khu phố 4, phường Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo giấy ủy quyền ngày 27/4/2017).

- Bị đơn: Bà Đào Hồng N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 109/N7A P, KP.1, Phường Q, TP. N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có mặt; bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017, bản khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/10/2015, bà Đào Hồng N có vay của bà Trần Thị Bích T số tiền 20.000.000đ; đến ngày 10/01/2016, bà T tiếp tục cho bà N vay thêm số tiền 43.000.000đ, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có viết giấy mượn tiền và có chữ ký xác nhận của bà N về việc cam kết trả khoản nợ trên trong vòng 05 tháng kể từ ngày vay 10/01/2016. Tổng số tiền bà N vay của bà T là 63.000.000đ.

Mặc dù đã hết thời hạn vay nhiều tháng nhưng bà N mới chỉ thanh toán cho bà T được 5.000.000đ số tiền gốc và không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nào khác; bà T đã nhiều lần yêu cầu bà N thanh toán nợ nhưng bà N cố tình lẩn tránh không trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Việc vay nợ giữa hai bên không có thế chấp tài sản và giấy mượn tiền là do chính bà Đào Hồng N viết và ký tên.

Nay bà T yêu cầu bà N trả cho bà Trâm số tiền nợ gốc là 58.000.000đ, không yêu cầu tính trả lãi.

Bị đơn bà Đào Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà N không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản nêu ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng*:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Bích T khởi kiện bà Đào Hồng N có địa chỉ tại: 109/N7A Phan Chu Trinh, KP.1, Phường Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai yêu cầu bà N trả cho bà T số tiền nợ gốc là 58.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

[3] Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án không tống đạt được trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn trong giấy mượn tiền và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Q, TP. B cung cấp bà Đào Hồng N có đăng ký thường trú tại địa phương. Căn cứ vào Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục mà không đình chỉ giải quyết là đúng quy định.

[4] Bị đơn bà Đào Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

** Về nội dung*:

[5] Bị đơn bà Đào Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà N không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản nêu ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ để xem xét giải quyết.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc của nguyên đơn:

Vào ngày 15/10/2015, bà Trần Thị Bích T cho bà Đào Hồng N vay số tiền 20.000.000đ; đến ngày 10/01/2016, bà T tiếp tục cho bà N vay thêm số tiền 43.000.000đ; tổng cộng bà T đã cho bà N vay số tiền là 63.000.000đ; khi vay thì hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có viết giấy mượn tiền và có chữ ký xác nhận của bà N về việc cam kết trả khoản nợ trên trong vòng 05 tháng kể từ ngày mượn tiền 10/01/2016. Tuy nhiên, bà N mới chỉ thanh toán được cho bà T số tiền gốc là 5.000.000đ, số tiền nợ gốc còn lại 58.000.000đ bà N chưa thánh toán cho bà T.

Vì vậy, xác định đây là những hợp đồng vay có thời hạn và không có tính lãi, nội dung hợp đồng không thể hiện có việc thế chấp tài sản khi vay và nguyên đơn cũng thừa nhận. Từ khi vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, bà N đã trả cho bà T được số tiền nợ gốc là 5.000.000đ và bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi giữa các bên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên bà Trần Thị Bích T yêu cầu bà Đào Hồng N trả số tiền nợ gốc 58.000.000đ là có cơ sở xem xét.

Do các giao dịch này đã được thực hiện trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Theo quy định tại các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, thì bên vay phải có trách nhiệm trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do bà N chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về nợ lãi: Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong quá trình xét xử, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích T được chấp nhận nên bà Đào Hồng N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 58.000.000đ = 2.900.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Bích T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.295.000đ (một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 009653 ngày 12 tháng 6 năm 2017 và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 009405 ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích T về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Đào Hồng N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Bích T số tiền nợ gốc là 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Đào Hồng N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.900.000đ (hai triệu chín trăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị Bích T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.295.000đ (một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 009653 ngày 12 tháng 6 năm 2017 và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 009405 ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân thành phố B;
- Chi cục THA thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phước Tiến